ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016 – XÉT TUYỂN ĐỢT 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-KHTN-ĐT ngày 13 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. Bậc đại học hệ chính quy

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển			
				Điểm chuẩn	Điểm tối thiểu của các môn thi theo thứ tự ưu tiên đối với thí sinh có điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) bằng điểm chuẩn		
					DM1	DM2	DM3
1	D510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	21.75	Hóa: 6.00	Toán: 7.25	Lý: 8.60
			B00		Sinh: 6.00	Toán: 8.25	Hóa: 6.00
2	D420201	Công nghệ Sinh học	A00	23.00	Hóa: 8.00	Toán: 6.75	Lý: 6.80
			B00		Sinh: 7.80	Hóa: 8.20	Toán: 6.00
3	D440201	Địa chất học	A00	19.00	Toán: 5.75	Hóa: 5.00	Lý: 7.80
			B00		Sinh: 5.60	Toán: 6.00	Hóa: 6.40
4	D440228	Hải dương học	A00	18.00	Toán: 5.00	Lý: 6.20	Hóa: 5.80
			B00	20.00	Toán: 5.50	Sinh: 6.60	Hóa: 6.40
5	D440112	Hoá học	A00	22.75	Hóa: 6.40	Lý: 8.20	Toán: 7.75
			B00	23.75	Hóa: 7.00	Sinh: 6.40	Toán: 6.75

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển			
				Điểm chuẩn	Điểm tối thiểu của các môn thi theo thứ tự ưu tiên đối với thí sinh có điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) bằng điểm chuẩn		
					DM1	DM2	DM3
6	D440301	Khoa học Môi trường	A00	20.75	Hóa: 5.60	Toán: 6.75	Lý: 7.80
			B00		Sinh: 5.60	Toán: 6.75	Hóa: 6.80
7	D430122	Khoa học Vật liệu	A00	20.00	Lý: 6.00	Hóa: 6.20	Toán: 7.25
			B00		Hóa: 5.20	Sinh: 6.60	Toán: 7.25
8	D520207	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	A00	22.00	Toán: 6.00	Lý: 6.60	Hóa: 6.00
			A01		Toán: 6.25	Lý: 6.80	Tiếng Anh: 7.33
9	D520402	Kỹ thuật hạt nhân	A00	23.00	Lý: 7.40	Toán: 7.50	Hóa: 6.60
10	D480201	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin	A00	23.00	Toán: 6.00	Lý: 8.20	Hóa: 7.20
			A01		Toán: 6.25	Lý: 7.60	Tiếng Anh: 8.20
11	D420101	Sinh học	B00	20.50	Sinh: 6.80	Hóa: 7.60	Toán: 6.00
12	D460101	Toán học	A00	20.00	Toán: 6.00	Lý: 6.40	Hóa: 6.00
			A01		Toán: 5.75	Lý: 7.20	Tiếng Anh: 7.05
13	D440102	Vật lý học	A00	20.00	Lý: 6.40	Toán: 6.00	Hóa: 6.00
			A01		Lý: 7.00	Toán: 5.75	Tiếng Anh: 5.75

2. Bậc đại học hệ chính quy các chương trình đặc biệt, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển			
				Điểm chuẩn	Điểm tối thiểu của các môn thi theo thứ tự ưu tiên đối với thí sinh có điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) bằng điểm chuẩn		
					DM1	DM2	DM3
1	D510401_CLC	Công nghệ kỹ thuật Hoá học: Chương trình chất lượng cao	A00 B00 D07	19.25			
2	D480201_TT	Ngành công nghệ thông tin: Chương trình tiên tiến	A00	22.00	Toán: 6.00	Lý: 8.00	Hóa: 7.00
			A01		Toán: 7.00	Lý: 8.00	Tiếng Anh: 7.00
3	D480201_CLC	Ngành công nghệ thông tin: Chương trình theo chuẩn kiểm định quốc tế	A00	20.00	Toán: 6.00	Lý: 5.80	Hóa: 6.80
			A01		Toán: 6.75	Lý: 8.60	Tiếng Anh: 4.60
4	D480201_VP	Ngành công nghệ thông tin: Chương trình liên kết với đại học Claude Bernard Lyon 1	A00 A01	17.00			

3. Bậc cao đẳng hệ chính quy

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn
1	C480201	Cao đẳng Công nghệ thông tin	A00 A01	17.00

Lưu ý:

1. *Tổ hợp: A00: Toán - Lý - Hóa; A01: Toán - Lý - Tiếng Anh; B00: Toán - Sinh - Hóa; D07: Toán - Hóa -Tiếng Anh.*
2. *Trong mỗi ngành, điểm chuẩn được xác định dựa trên sắp xếp thí sinh đăng ký xét tuyển với điểm tổng 3 môn thi theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Nếu điểm tổng 3 môn bằng nhau thì thứ tự ưu tiên sẽ được căn cứ vào thứ tự ưu tiên của các môn trong tổ hợp xét tuyển.*
3. *Điểm trúng tuyển theo ngành hoặc theo khối trong một ngành được xác định dựa trên nguyên tắc đảm bảo chỉ tiêu của ngành.*

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
Trần Linh Thước